

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 11 - 8 - 2017
V/v "Không công nhận vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh
2. Ông Nguyễn Hồng Diện

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 74/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Bé Thị T, sinh năm 1978
(Có mặt tại phiên tòa)
2. Bị đơn: Anh Lăng Văn G, sinh năm 1976
(Có mặt tại phiên tòa)

Các đương sự cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Bé Thị T trình bày: Năm 1996 chị và anh Lăng Văn G về chung sống với nhau, được tìm hiểu tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống chị và anh G hạnh phúc với nhau được khoảng 13 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình

không hoà hợp, anh G không tu trí làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi cọ nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả gì, đến nay chị T đã bỏ về bên ngoại để làm ăn sinh sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lăng Văn G.

- Về con chung: Chị T và anh G có 02 con chung, tên các cháu là Lăng Thị T, sinh ngày 29/06/1996 và Lăng Hồng C, sinh ngày 04/7/2006. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, còn cháu T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi cháu Lăng Hồng C 400.000đ/1 tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G tự thoả thuận nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lăng Văn G trình bày: Năm 1995 anh và chị Bé Thị T về chung sống với nhau, hai bên tự nguyện tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh và chị T có hoà thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh đi làm ăn ở Lào Cai, chị T ở nhà tự ý bỏ về bên ngoại rồi đi Hà Nội làm thuê sau đó làm đơn xin ly hôn với anh.

- Về con chung: Anh G nhất trí với ý kiến trình bày của chị T là anh chị có 02 con chung tên là Lăng Thị T, sinh ngày 29/06/1996 và Lăng Hồng C, sinh ngày 04/7/2006. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, còn cháu T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hoà giải chị Bé Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G; về tài sản chung, công nợ chung chị T và anh G đều thống nhất là sẽ tự thoả thuận tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết; về con chung chị T thay đổi ý kiến là không đề nghị cấp dưỡng nuôi con; anh Lăng Văn G thay đổi lời khai đó là nhất trí giao Lăng Hồng C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Như vậy, qua hòa giải về phần con chung tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang chị T và anh G thống nhất về người trực tiếp nuôi con, vấn đề cấp dưỡng.

Ngoài ra, các đương sự còn xác nhận đã tự thoả thuận chia tài sản chung. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Do chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G là vợ chồng.

- Về việc nuôi con: Căn cứ Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình 2014 và nguyện vọng của cháu Lăng Hồng C thể hiện trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lăng Hồng C cho chị Bé Thị T được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc chị Bé Thị T chịu toàn bộ án phí xét xử sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/. Về tố tụng dân sự: Chị Bé Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết ly hôn với anh Lăng Văn G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2/. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995 chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G được tìm hiểu tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh G xác nhận là những năm gần đây không có hạnh phúc. Nên yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Việc nuôi con chung: Do cháu C là con gái nên bản thân cháu lại muốn ở với mẹ là hoàn toàn phù hợp và chính đáng. Vì vậy, việc các đương sự thống nhất giao cháu Lăng Hồng C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu

C đủ 18 tuổi, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bé Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí lý hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQD14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

XỬ:

- Về **quan hệ hôn nhân**: Không công nhận chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Lăng Hồng C, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2006 cho chị Bé Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lăng Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bé Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 03147 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang. Chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị Bé Thị T và anh Lăng Văn G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện Bắc Quang
- THADS huyện Bắc Quang;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà